

Bản án số: 201/2024/DS-PT  
Ngày: 23/4/2024  
“V/v Tranh chấp chia tài sản  
chung, Thừa kế quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:  
Bà Nguyễn Thị Được – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng  
Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:  
91/2024/TLPT-DS ngày 31/01/2024 về việc: “Tranh chấp dân sự về Chia tài  
sản chung; Thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 199/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa  
án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐ-PT ngày  
11/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2024/QĐ – PT ngày 29/3/2024  
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Triệu Trọng Đ, sinh năm  
1989; Địa chỉ: Số C, đường L, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo HĐ  
ủy quyền ngày 02/01/2024.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1973

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*(Có mặt: bà H, ông Đ; các đương sự còn lại vắng mặt).*

\* *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Thửa đất 810, tờ bản đồ số 6, diện tích 580m<sup>2</sup> (T) và thửa 817, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.806m<sup>2</sup> (LUA), có nguồn gốc là tài sản chung của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Bé H1.

Bà H1 chết ngày **24/04/2002**, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm: ông Nguyễn Văn S (chồng bà H1) và con là Nguyễn Thị H.

Chị H không phải con đẻ do bà H1 sinh ra (bà H1 là dì ruột của chị H), từ nhỏ chị H sống chung với bà H1 và ông S và có làm giấy khai sinh xác định chị H có cha là Nguyễn Văn S, mẹ Nguyễn Thị Bé H1.

Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị H yêu cầu được nhận thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị Bé H1 gồm:

- Thửa 810, tờ bản đồ số 6, diện tích 580m<sup>2</sup> (Thổ).

- Thửa 817, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.806m<sup>2</sup> (LUA).

Đất tọa lạc ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Bé H1 đứng tên QSD đất.

Quá trình giải quyết và tại phiên toà chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia tài sản thửa đất 810 (580m<sup>2</sup> - thổ) và thửa 817 (2.806m<sup>2</sup> - LUA) làm 02 phần bằng nhau cho chị H và ông S. Chị H yêu cầu được nhận phần đất bên phía có ngôi mộ của bà Nguyễn Thị Bé H1.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn S, đại diện ủy quyền ông Triệu Trọng Đ trình bày:*

Ông S thống nhất trình bày của chị H về nguồn gốc thửa đất 810, 817 do bà Nguyễn Thị Bé H1 đứng tên QSD là tài sản chung của ông S và bà H1.

Ngày 24/04/2002 bà H1 chết, không để lại di chúc.

Theo đơn khởi kiện ông S yêu cầu được nhận phần tài sản chung vợ chồng và hưởng thừa kế toàn bộ phần di sản của bà H1 để lại là thửa đất 810, 817.

Quá trình giải quyết và tại phiên toà ông Nguyễn Văn S thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông S yêu cầu được hưởng phần tài sản chung vợ chồng gồm ½ thửa đất số 810, ½ thửa đất số 817. Đối với phần di sản của bà H1 gồm ½ thửa đất 810, ½ thửa đất 817, ông S đồng ý chia thừa kế theo pháp luật; ông S đồng ý

giao cho chị H được hưởng phần đất ngang 05m, dài hết đất đối với 02 thửa đất 810, 817 vị trí bên phía phần có mộ của bà H1, phần còn lại giao ông S được đăng ký đứng tên QSD đất theo quy định pháp luật.

- Chị H, ông S thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản và sơ đồ đo đạc phần đất đang tranh chấp.

- Đối với cây trồng trên đất do ông Lâm t; ông S, chị H yêu cầu ông L tự di dời, ông S và chị H không đồng ý nhận và trả giá trị cây trồng cho ông L.

- Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông S và bà Nguyễn Thị Đ2, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S và bà Đ2 tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

(Giấy QSD đất thửa 810, 817 (bản chính) hiện do ông L đang giữ, không cầm cố thế chấp cho ai).

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 199/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của ông Nguyễn Văn S.

- Bà Nguyễn Thị H được QSD diện tích đất đo thực tế 82,7m<sup>2</sup> (ONT) thuộc một phần thửa 810, tờ bản đồ số 6, trong phạm vi các mốc M2, M6, M8, M7 trở về M2 và diện tích 674,4m<sup>2</sup> (LUC) thuộc một phần thửa 817 trong phạm vi các mốc M6, M8, M9, M3 trở về M6; cùng toạ lạc tại ấp D, xã G, huyện C;

- Ông Nguyễn Văn S được QSD diện tích đất đo thực tế 196,1m<sup>2</sup> (ONT) thuộc một phần thửa 810, tờ bản đồ số 6, trong phạm vi các mốc M1, M5, M8, M7 trở về M1 và diện tích 2010,1m<sup>2</sup> (LUC) thuộc một phần thửa 817, trong phạm vi các mốc M5, M8, M9, M4 trở về M5; cùng toạ lạc tại ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

- Buộc ông Nguyễn Văn L di dời toàn bộ cây trồng để giao đất cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S đối với diện tích đất đo đạc thực tế 278,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 810, tờ bản đồ số 6, trong phạm vi các mốc M1, M2, M6, M5 trở về M1;

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ1 có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị H diện tích 674,4m<sup>2</sup> (LUC) thuộc một phần thửa 817, trong phạm vi các mốc M6, M8, M9, M3 trở về M6, cùng toạ lạc tại ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký, đối với diện tích đất đã được Tòa án công nhận QSD quyền sử dụng theo bản án đã tuyên.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi giấy chứng nhận QSD đất: Số M814695 vào sổ cấp GCNQSD đất số 000897

QSDĐ/73/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/08/1999, cho hộ bà Nguyễn Thị Bé H1 diện tích 580 m<sup>2</sup> (đo thực tế 278,8m<sup>2</sup>) thửa số 810 và diện tích 2806m<sup>2</sup> (đo thực tế 2684,5m<sup>2</sup>) cùng tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc tại ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S theo bản án đã tuyên.

*(Kèm Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2023; Sơ đồ đo đạc ngày 21/3/2023 và Sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 25/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).*

### **3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Nguyễn Văn S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.263.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.559.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014850, ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; bà H được nhận lại số tiền 3.296.000 đồng.

**4.** Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền là 5.866.000 đồng, ông Nguyễn Văn S đồng ý chịu 2.933.000đồng, bà Nguyễn Thị H chịu 2.933.000 đồng. Toàn bộ chi phí do chị H đã tạm ứng và đã chi xong; do đó, ông S phải có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền là 2.933.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

*- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 25/9/2023 bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.*

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu chia thửa đất 810, 817 do bà H1 đứng tên làm 03 phần (bà H1, ông S, chị H mỗi người 01 phần); chị H yêu cầu được nhận 01 phần diện tích 1.128,6m<sup>2</sup>; phần của bà H1 ai thờ cúng bà H1 thì được nhận.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn S, đại diện ủy quyền ông Triệu Trọng Đ không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm; Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Chị Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu chia thừa đất 810, 817 do bà Nguyễn Thị Bé H1 đứng tên QSD đất làm 03 phần (bà H1, ông S, chị H) mỗi người 01 phần; chị H yêu cầu được nhận 01 phần diện tích 1.128,6m<sup>2</sup>; phần của bà H1 ai thờ cúng bà H1 thì được nhận. Xét thấy:

**[1]** Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Bé H1 là vợ chồng.

Ông Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H xác nhận, đất tranh chấp có nguồn gốc do ông S và bà Nguyễn Thị Bé H1 tạo lập, bà H1 đăng ký và được cấp QSD ngày 10/8/1999 thuộc thửa 810 diện tích 580m<sup>2</sup> (đo thực tế 278,8m<sup>2</sup>) và thửa 817 diện tích 2.806m<sup>2</sup> (đo thực tế 2.684,5m<sup>2</sup>), cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; đây là tài sản chung của ông S và bà H1, mỗi người ½; Trong đó, thửa 810 diện tích  $(278,8\text{m}^2 : 2) = 139,4\text{m}^2$ ; thửa 817 diện tích  $(2.684,5\text{m}^2 : 2) = 1.342,25\text{m}^2$ .

**[2]** Chị Nguyễn Thị H không phải là con đẻ của ông S và bà H1, tuy nhiên theo giấy khai sinh ghi ông S và bà H1 là cha, mẹ của chị Nguyễn Thị H nên xác định chị H là con của ông S, bà H1.

**[3]** Bà Nguyễn Thị Bé H1 chết năm 2002, không để lại di chúc nên di sản của bà H1 sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế của bà H1 gồm: ông Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H nên di sản của bà H1 được chia do ông S và chị H mỗi người ½, theo đó:

Thửa 810, diện tích  $139,4\text{m}^2 : 2 = 69,7\text{m}^2$ ;

Thửa 817, diện tích  $1.342,25\text{m}^2 : 2 = 671,125\text{m}^2$ ;

Tuy nhiên, ông S tự nguyện giao chị H được sử dụng thửa 810 (82,7m<sup>2</sup>), thửa 817 (674,4m<sup>2</sup>) là nhiều hơn phần đất chị H được chia, là có lợi cho chị H.

**[4]** Xét chị H yêu cầu chia thừa đất 810, 817 làm 03 phần cho chị H, ông S, bà H1 mỗi người 01 phần; phần của bà H1 ai thờ cúng bà H1 thì người đó nhận vì chị cho rằng ông S không chăm lo mồ mã, cúng giỗ bà H1 nhưng chị H không có căn cứ chứng minh ông S thuộc trường hợp không được nhận thừa kế của bà H1; đồng thời cũng không có căn cứ chứng minh các thửa đất 810, 817 là tài sản chung của ông S, bà H1, chị H; nên việc chị H yêu cầu chia các thửa đất trên làm 03 phần là không có căn cứ nên không chấp nhận.

**[5]** Tại Tòa án cấp phúc thẩm chị H không cung cấp được tình tiết gì mới; do đó, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H; án sơ thẩm xử là có căn cứ nên giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án huyện C.

**[6]** Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

**[7]** Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên án sơ thẩm; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H;
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H.
2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của ông Nguyễn Văn S.

- Chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 82,7m<sup>2</sup> (ONT) thuộc một phần thửa 810, tờ bản đồ số 6, theo phạm vi các mốc M2 - M6 - M8 - M7 - M2; và diện tích 674,4m<sup>2</sup> (LUC) thuộc một phần thửa 817, tờ bản đồ số 6 trong phạm vi các mốc M6 - M8 - M9 - M3 - M6 tọa lạc tại ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng đất diện tích 196,1m<sup>2</sup> (ONT) thuộc một phần thửa 810, tờ bản đồ số 6, trong phạm vi các mốc M1 - M5 - M8 - M7 - M1; và diện tích 2010,1m<sup>2</sup> (LUC) thuộc một phần thửa 817, tờ bản đồ số 6 trong phạm vi các mốc M5 - M8 - M9 - M4 - M5; cùng tọa lạc ấp D, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

- Buộc ông Nguyễn Văn L di dời toàn bộ cây trồng để giao đất cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S đối với diện tích đất 278,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 810, tờ bản đồ số 6 trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M6 - M8 - M5 - M1; tọa lạc tại ấp D, xã G, huyện C;

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ1 có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị H diện tích 674,4m<sup>2</sup> (LUC) thuộc một phần thửa 817, trong phạm vi các mốc M6 - M8 - M9 - M3 - M6; tọa lạc xã G, huyện C.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký đối với diện tích đất đã được giao theo quy định pháp luật.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M814695 vào sổ cấp GCNQSD đất số 000897 QSDĐ/73/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/08/1999, cho hộ bà Nguyễn Thị Bé H1 diện tích đo thực tế 278,8m<sup>2</sup>, thửa số 810 và diện tích đo thực tế 2684,5m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 6, để cấp lại cho chị Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S theo bản án đã tuyên.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2023; Sơ đồ đo đạc ngày 21/3/2023 và Sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 25/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S được miễn án phí.  
- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 5.263.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.559.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014850, ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; chị H được nhận lại số tiền 3.296.000 đồng.

4. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền 5.866.000 đồng; ông Nguyễn Văn S đồng ý chịu 2.933.000 đồng, chị Nguyễn Thị H chịu 2.933.000 đồng. Do chị H đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả lại cho chị H số tiền là 2.933.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị h phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004389 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (chị H đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKS Tỉnh;
- Chi cục THADS h. Cao Lãnh;
- Tòa án h. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu hs vụ án (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**Nguyễn Thị Vĩnh**